

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2026

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Huân

Ông Trần Văn Vinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

- Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về “tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn K, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Cao Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường A, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày: Chị và anh Cao Văn T kết hôn ngày 31/8/2017. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (phường A, thị xã Phú Thọ cũ) nay là phường A, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ đẻ anh T tại khu dân cư T, phường A, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng

01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, không chăm lo vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần nứt không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn K, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai, không còn quan T đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Cao Tú A, sinh ngày 17/12/2017. Hiện con chung đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Cao Văn T đã được Tòa án gửi giấy báo nhiều lần (mẹ đẻ anh T đã nhận thay và cam kết giao lại cho anh T), nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc theo giấy báo, nên không có ý kiến. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản ghi ý kiến của bà Hà Thị Hiền (mẹ đẻ anh T), ngày 15/12/2025, bà Hiền cho biết: Cháu T và cháu T đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng T, T sống cùng gia đình bà tại khu dân cư T, phường A, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thì vợ chồng T, T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng xảy ra to tiếng với nhau. Cháu T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của cháu ở cùng tại thôn K, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai ở từ năm 2018 cho đến nay, còn anh T vẫn ở cùng với gia đình bà. Nay cháu T làm đơn xin ly hôn cháu T tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy báo cho cháu T, bà nhận và đã thông báo lại cho con trai bà là cháu T. Nhưng cháu T nói là bận đi làm không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa được. Quan điểm của cháu T là đồng ý ly hôn với cháu T và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Cháu T hiện đang làm tại Hà Nội. Do công việc bận đi làm nên cháu T đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vợ chồng T, T có 01 con chung là Cao Tú Anh, sinh ngày 17/12/2017. Hiện con chung đang ở cùng mẹ là cháu T ở bên ông bà ngoại. Quan điểm của cháu T và gia đình bà là hiện nay cháu Anh đang ở với mẹ và do anh T đang đi là xa ở Hà Nội, khi ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

3. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, được chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh T kết hôn ngày 31/8/2017 tại Ủy ban nhân dân (phường A, thị xã Phú Thọ cũ) nay là phường A, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thì chị T và anh T chung sống hoàn thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó đến khoảng cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn

về quan điểm sống, cách sống theo như lời trình bày của chị T và của bà Hiền (mẹ anh T), còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, chỉ biết rằng chị T và anh T hiện không chung sống với nhau nữa. Hiện nay chị T xin ly hôn anh T tại Tòa án. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Chị T và anh T có 01 con chung là Cao Tú Anh, sinh ngày 17/12/2017. Hiện cháu Cao Tú Anh đang ở cùng với chị T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 207; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025; Điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án:

+ Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn anh Cao Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung là Cao Tú A, sinh ngày 17/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Bàn Thị T và bị đơn anh Cao Văn T, bị đơn anh T có nơi cư trú tại khu dân cư T, phường A, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Đồng thời chị T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2

điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2017 tại Ủy ban nhân dân (phường A, thị xã Phú Thọ cũ) nay là phường A, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng gia đình nhà anh T tại Khu dân cư T, phường A, tỉnh Phú Thọ. Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập, xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương xác định: Trong cuộc sống hôn nhân chị T, anh T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị T cùng với con đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T là mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Cao Tú A, sinh ngày 17/12/2017. Hiện cháu Anh đang ở cùng với chị T. Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung của chị T và anh T hiện đang ở với chị T từ năm 2018, kể từ khi chị T cùng cháu Anh về nhà bố mẹ đẻ chị T ở, anh T đã không quan tâm, chăm lo cho con, đồng thời anh T cũng không thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Kể từ ngày chị T và anh T không ở cùng nhau, cháu A ở với chị T, một mình chị T vẫn chăm lo ăn uống, học hành đầy đủ cho con nên cần xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 207; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35, khoản 4 Điều 36 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số

85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án:

1. Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn anh Cao Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là Cao Tú A, sinh ngày 17/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003692 ngày 16/10/2025 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Bàn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2;
- Đương sự;
- Chi cục THADS tỉnh;
- Phòng giám đốc kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án;
- UBND phường A, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khanh